TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH T** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST Ngày: 02-03-2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dạng.

Ông Huỳnh Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh 01- 01-1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh Thạch V, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tàn D, xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Chị và anh Thạch V có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/11/2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Thạch V1, sinh ngày 28/01/2015 hiện sống với chị H, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-01-2023 anh Thạch V trình bày:

Anh và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2014. Vợ chồng không có mâu thuẫn, chị H tự bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay hơn 04 năm. Anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và mong muốn được hàn gắn.

Vợ chồng có một con chung như chị H trình bày là đúng, hiện cháu V1 đang sống cùng chị H. Do không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh V; Về con chung, giao chị H được quyền nuôi dưỡng con Thạch V1 đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung, đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Thạch V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy trích lục kết hôn số 574/TLKH-BS ngày 17/6/2022 của Ủy ban nhân dân xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện, chị H và anh V được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/2014, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của nguyên đơn chị H thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Bị đơn anh V trình bày do chị H tự bỏ về nhà mẹ ruột và vợ chồng ly thân đến nay hơn 04 năm, anh còn thương vợ có nguyện vọng được

hàn gắn, không đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng chị H trình bày không còn tình cảm thương yêu vợ chồng với anh V, cuộc sống không hạnh phúc, chị H cương quyết ly hôn. Mặt khác, chị H và anh V sống ly thân thời gian dài, sau khi ly thân mạnh ai nấy sống không quan tâm lẫn nhau, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì tình cảm vợ, chồng không còn. Do đó, chị H xin ly hôn là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ ... quyền nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh V; còn anh V xin hàn gắn không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh V thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Thạch V1, sinh ngày 28/01/2015 hiện sống với chị H, chị H yêu cầu được nuôi con và cháu V1 có nguyện vọng sống với chị H, nên Hội đồng xét xử giao cháu V1 cho chị H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét do chị H không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị H đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Thạch V.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch V1, sinh ngày 28/01/2015 đến khi con đủ

18 tuổi. Anh Thạch V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự trình bày không có và không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim H nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002846 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, chị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND huyện Thạnh T (1);
- Chi Cục THADS huyện Thạnh T (1);
- UBND xã Châu H, huyện Thạnh T, Sóc Trăng (1);
- Đương sự (2);
- Lưu HSVA, Văn phòng (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nam